

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/No: 431 /TCT-BTC

V/v: công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính
Abt: *Periodic information disclosure of financial statements*

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2024
HCM City, April 26th, 2024

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty IDICO - CTCP thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with Provision no.3, 4 - Article 14 of Circulars 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of Ministry of Finance about providing guidelines on disclosure of information on securities market, IDICO Corporation J.S.C discloses information on financial statements for Quarter 1, 2024 as below:

1. Tên tổ chức/Organization: Tổng công ty IDICO - CTCP/IDICO Corporation - JSC

- Mã chứng khoán/Stock Symbol: **IDC**

- Địa chỉ/Address: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh/151A Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại liên hệ/Tel: (028)3843 8883 - 3935 1901 - Fax: (028)3931 2705

- E-mail: headoffice@idico.com.vn - Website: www.idico.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Information disclosure:

- Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2024/*Financial statements for Quarter 1, 2024:*


Báo cáo tài chính riêng (Tổ chức niêm yết không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/*Separated financial statements (Public company without subsidiaries and does not have superior accounting unit that has affiliated units with separate accounting apparatus);*

Báo cáo tài chính hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con)/*Consolidated financial statements (Public company is a parent company with subsidiaries);*

Báo cáo tài chính tổng hợp (Tổ chức niêm yết có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/*General financial statements (Public company is a superior accounting unit that has affiliated units with separate accounting apparatus);*

- Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân/*Events that need to be explained:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với Báo cáo tài chính/*Auditor's report on the audit of such financial statements and its explanation about any qualified opinions on financial statements:*

IDICO  **TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

Tầng 32 - Tòa nhà Pearl Plaza - 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: (+84) 28 3843 8883 - 28 3935 1901 Fax: (+84) 28 3931 2705



Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại /*Profit after tax of the reporting period between before and after audit increases/decreases by at least 5%, or changed from a positive number to a negative number or vice:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/*Profit after tax in the income statement of the reporting period increases/decreases by at least 10% compared to that of the same reporting period in the previous year:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*Profit after tax of the reporting period is negative, year over year profit is changed from a positive number to a negative number or vice versa:*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation documents, if any:*

Có/Yes

Không/No


Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty IDICO – CTCP vào ngày 26/4/2024 tại đường dẫn: <http://www.idico.com.vn>, mục quan hệ nhà đầu tư.

All information above have been posted on April 26th, 2024 on the company website at: <http://www.idico.com.vn>, article "Investor Relations".

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên/Report about transactions with value equal to or above 35% of total assets: Không/No.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and we shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi nhận/Recipients: 
- Như trên/As stated above;
- Website IDICO/IDICO website;
- Lưu: HC, KT/Kept at Administrative dept, Accounting dept.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE
1/2 VICE GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN VIỆT TUẤN



TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Tầng 32 - Tòa nhà Pearl Plaza - 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: (+84) 28 3843 8883 - 28 3935 1901 Fax: (+84) 28 3931 2705

TỔNG CÔNG TY IDICO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 01 NĂM 2024**

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Địa chỉ : 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028 38 438883 Fax : 028 39 312705

Email : headoffice@idico.com.vn

Mã số thuế : 0302177966

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	13-65

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng*), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn Việt Nam đồng*), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên độc lập

Ủy ban kiểm toán

Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Phó Tổng giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, ngoài các sự kiện được trình bày tại mục 7.2 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 31/3/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, 



Nguyễn Việt Tuấn

Phó Tổng giám đốc

Giấy Ủy quyền số: 29/UQ-TCT ngày 27/7/2023 của Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

TÀI SẢN	MS số	TM	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.825.750.919.608	2.043.797.574.661
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	520.634.595.301	613.736.970.845
1. Tiền	111		59.064.774.137	14.204.299.613
2. Các khoản tương đương tiền	112		461.569.821.164	599.532.671.232
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.300.000.000	211.413.400.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	25.300.000.000	211.413.400.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.245.742.253.167	1.176.244.693.212
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	348.705.273.569	466.798.639.009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	23.770.027.969	28.020.850.957
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	385.437.500.000	130.437.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	551.029.747.739	614.187.999.356
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(63.200.296.110)	(63.200.296.110)
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	9.876.387.960	9.812.137.960
1. Hàng tồn kho	141		9.876.387.960	9.812.137.960
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.197.683.180	32.590.372.644
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.14	16.623.933.160	25.035.081.540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.573.750.020	7.555.291.104

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

TÀI SẢN	MS số	TM	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.448.705.161.638	10.545.080.553.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		306.097.500.000	307.264.056.600
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.6	5.540.000.000	5.540.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	300.557.500.000	301.724.056.600
II. Tài sản cố định	220		1.232.964.475.701	1.252.391.486.414
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.180.688.962.226	1.199.776.931.296
- Nguyên giá	222		1.722.581.436.445	1.722.232.270.653
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(541.892.474.219)	(522.455.339.357)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	52.275.513.475	52.614.555.118
- Nguyên giá	228		61.542.914.880	61.542.914.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.267.401.405)	(8.928.359.762)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	5.242.608.325.449	5.455.354.147.737
1. Nguyên giá	231		7.189.937.591.551	7.189.937.591.551
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.947.329.266.102)	(1.734.583.443.814)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	729.497.364.083	588.610.376.802
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		729.497.364.083	588.610.376.802
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.3	2.610.319.000.438	2.611.731.723.301
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.530.499.339.870	2.530.499.339.870
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		168.930.017.481	168.930.017.481
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		112.409.084.484	112.409.084.484
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(201.519.441.397)	(200.106.718.534)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		327.218.495.967	329.728.762.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	222.890.762.889	232.355.977.283
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	95.318.669.106	88.363.721.198
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		9.009.063.972	9.009.063.972
TỔNG TÀI SẢN	270		12.274.456.081.246	12.588.878.127.968

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS số	TM	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.674.560.316.041	8.065.213.905.449
I. Nợ ngắn hạn	310		2.837.620.905.257	3.153.274.494.665
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	106.785.947.056	111.362.684.441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		259.827.300	132.656.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	191.606.089.220	342.582.510.542
4. Phải trả người lao động	314		9.402.430.613	11.607.200.744
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	756.591.876.306	656.761.935.790
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.20	416.251.707.437	609.924.174.192
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	491.894.036.213	267.145.452.823
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	850.000.000.000	1.134.377.968.288
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		14.828.991.112	19.379.911.845
II. Nợ dài hạn	330		4.836.939.410.784	4.911.939.410.784
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.20	3.032.463.814.959	3.032.463.814.959
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	1.804.475.595.825	1.879.475.595.825

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS số	TM	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.21	4.599.895.765.205	4.523.664.222.519
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.599.895.765.205	4.523.664.222.519
1. Vốn cổ phần	411		3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.722.046.647	41.722.046.647
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		511.865.381.008	511.865.381.008
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		746.309.047.550	670.077.504.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421a		175.077.611.364	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		571.231.436.186	670.077.504.864
TỔNG NGUỒN VỐN	440		12.274.456.081.246	12.588.878.127.968

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu



Trần Huỳnh Thanh Trúc

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 1		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
			Năm nay VND	Năm trước VND	31/3/2024 VND	31/3/2023 VND
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	6.1	1.107.003.657.786	246.747.824.481	1.107.003.657.786	246.747.824.481
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	6.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	6.1	1.107.003.657.786	246.747.824.481	1.107.003.657.786	246.747.824.481
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.2	372.389.671.397	100.766.751.372	372.389.671.397	100.766.751.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		734.613.986.389	145.981.073.109	734.613.986.389	145.981.073.109
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	27.199.858.402	37.637.010.711	27.199.858.402	37.637.010.711
7. Chi phí tài chính	22	6.4	25.342.894.509	30.715.784.423	25.342.894.509	30.715.784.423
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.771.059.536	30.665.362.139	23.771.059.536	30.665.362.139
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	11.325.372.698	1.150.704.791	11.325.372.698	1.150.704.791
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13.848.435.066	5.438.177.203	13.848.435.066	5.438.177.203
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)- (25+26)}	30		711.297.142.518	146.313.417.403	711.297.142.518	146.313.417.403
11. Thu nhập khác	31	6.7	30.000.002	159.484.038	30.000.002	159.484.038
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		30.000.002	159.484.038	30.000.002	159.484.038
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		711.327.142.520	146.472.901.441	711.327.142.520	146.472.901.441
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	147.050.654.242	18.509.456.671	147.050.654.242	18.509.456.671
16. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		(6.954.947.908)	-	(6.954.947.908)	-
17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		571.231.436.186	127.963.444.770	571.231.436.186	127.963.444.770

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Trần Huỳnh Thanh Trúc

Trần Thị Ngọc

Nguyễn Việt Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
			31/3/2024 VND	31/3/2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1		711.327.142.520	146.472.901.441
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao và hao mòn tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2		232.443.855.414	68.771.902.147
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	3		1.412.722.863	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá	4		(58.536)	50.422.284
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(27.199.799.866)	(70.066.492.805)
- Chi phí lãi vay	6		23.771.059.536	30.665.362.139
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		941.754.921.931	175.894.095.206
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		182.670.163.877	7.921.406.288
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(64.250.000)	(3.044.118.787)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		97.819.669.710	356.438.670.184
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.876.362.774	10.796.822.076
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.047.438.564)	(22.314.684.674)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(281.289.515.671)	(369.738.343.203)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.550.920.733)	(245.879.862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		940.168.993.324	155.707.967.228
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(141.178.256.834)	(315.360.325.178)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(255.000.000.000)	(2.513.400.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		186.113.400.000	86.770.957.696
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.180.173.718	70.016.070.521
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30		(178.884.683.116)	(161.086.696.961)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
			31/3/2024 VND	31/3/2023 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	314.924.970.772
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(359.377.968.288)	(46.675.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(495.008.776.000)	(13.820.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(854.386.744.288)	268.236.150.272
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(93.102.434.080)	262.857.420.539
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	613.736.970.845	556.918.374.255
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		58.536	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	520.634.595.301	819.775.794.794

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Trần Huỳnh Thanh Trúc



Trần Thị Ngọc



Nguyễn Việt Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty IDICO - CTCP tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng*), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn Việt Nam đồng*), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng công ty tại ngày 31/3/2024 là 157 người (tại ngày 01/01/2024 là 148 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng công ty kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

1.4 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31/3/2024, Tổng công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên Công ty	Tên viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
A.	Các cty con					
1	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV dịch vụ KCN IDICO	IDICO - ISC	Số 48, khu phố 3, phường An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	UDICO	Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh điện và xây lắp	66,93%	66,93%
4	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Thôn 7, xã Long Bình, H.Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch	51,78%	51,78%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Km 1906+700, Quốc lộ 1A, KP 5, phường Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.HCM	BOT giao thông, xây lắp	57,5%	57,5%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, Tp. Tân An, tỉnh Long An.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp	51,00%	51,00%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	51,00%	51,00%
8	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Tư vấn đầu tư xây dựng	70,40%	70,40%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	Xây lắp	97,78%	97,78%
11	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Tầng 13, Tòa nhà HH3, Đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Nội	Kinh doanh hạ tầng KCN	54,94%	54,94%
12	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Số 304, đường Trần Hưng Đạo, Tp.Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xây lắp	95,19%	95,19%

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

1.4 Cấu trúc công ty (Tiếp theo)

Stt	Tên Công ty	Tên viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
13	Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang	IDICO - ITC	Số 138 Trần Hưng Đạo, phường 4, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh hạ tầng KCN	65.00%	65.00%
14	Công ty cổ phần IDERGY	IDERGY	Số 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. HCM	Sản xuất, phân phối điện, xây lắp	99.99%	99.99%
15	Công ty Cổ phần IDICO Vinh Quang	IDICO-IVC	Cụm 10, Thôn Cúc Phố, Xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, Tp. Hải Phòng.	Kinh doanh hạ tầng KCN	99.99%	99.99%
B. Các công ty liên doanh, liên kết						
1	Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BVEC	Km 11, quốc lộ 51, xã Tam Phước, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	BOT giao thông và vật liệu xây dựng	49.00%	49.00%
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Km 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị	20.13%	20.13%
C Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty IDICO - CTCP						
1	Chi nhánh IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	IDICO - DAK MI 3	133 Phạm Văn Đồng, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam. Tầng 13-Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ	Quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3		
2	Chi nhánh IDICO tại Hà Nội	IDICO - HA NOI	Trì, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng		
3	Văn phòng đại diện Tổng công ty IDICO-CTCP		Tầng 32, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM.	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp		
4	Chi nhánh IDICO tại Miền Đông	IDICO - IEB	Tầng 3, tòa nhà IDICO-URBIZ, KCN Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ quan Tổng công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Cơ quan Tổng công ty với các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ / Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc kế toán các loại tỷ giá hối đoái áp dụngĐối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- (i) Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản: Áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.
- (ii) Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)***

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư: được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu (tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/3/2018 (Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong kỳ được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/3/2018 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	08 - 10

Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3: Thời gian bắt đầu tính khấu hao từ thời điểm phát điện thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, tài sản cố định vô hình khác và giá trị quyền sử dụng đất,... Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian được giao, thuê đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp cho thuê	35 – 48

Đối với những bất động sản đầu tư liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận một lần. Giá trị bất động sản đầu tư còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng năm và các hợp đồng cho thuê lại đất không đủ điều kiện ghi nhận doanh thu một lần.

Bất động sản đầu tư là chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, tại ngày 31/3/2024 gồm: Khu công nghiệp Mỹ Xuân A (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 2 mở rộng (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), Khu công nghiệp Cầu Nghìn (tỉnh Thái Bình), Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai), Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An).

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản đầu tư với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm thanh lý.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp chi phí phù hợp với doanh thu.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 31/3/2024, Tổng công ty đã phân bổ vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong năm.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 31/3/2024, Tổng công ty đã phân bổ vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (tiếp theo)*****Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập bao gồm các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG ((TIẾP THEO))**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (tiếp theo)**

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024, có 18.706.006.085 VND (cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2023: 31.123.893.287 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng công ty.

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay liên quan đến Nhà máy thủy điện Đak Mi 3, các khu công nghiệp.
- Chi phí Nhà máy xử lý nước thải.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng) không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian cho thuê trên hợp đồng hoặc phân bổ một lần phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Tổng công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác****Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:**

Tổng công ty áp dụng theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- (b) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- (c) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- (d) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp của các hợp đồng còn lại được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Doanh thu kinh doanh điện

Doanh thu được xác định và ghi nhận dựa vào bảng kê sản lượng điện theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 01/6/2020 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và kinh doanh điện là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất điện trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Giá vốn cho thuê hạ tầng là toàn bộ các chi phí về san lấp mặt bằng, chi phí đền bù, chi phí xây dựng, chi phí khác phát sinh trong quá trình hình thành tài sản liên quan đến các hoạt động cho thuê lại đất trong các khu công nghiệp hiện tại và trong tương lai. Giá vốn cho 1m² cho thuê lại đất trong Khu công nghiệp được xác định bằng Tổng mức đầu tư đã tập hợp chi phí phù hợp với tình hình thực tế của dự án chia cho diện tích kinh doanh trong từng khu công nghiệp.

Đồng thời, Tổng công ty thực hiện việc trích khấu hao của Bất động sản đầu tư liên quan đến các hợp đồng hạch toán một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn 04 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (2021 - 2029).
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

+ Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận và thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

(i) Khu công nghiệp Mỹ Xuân A: Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH-PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch và đầu tư:

+ Theo Quyết định số 6398/QĐ-CT ngày 19/10/2009 và Quyết định số 8432/QĐ-CT ngày 14/9/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích 332.742,8 m² trong suốt thời gian thực hiện dự án.

+ Theo Quyết định số 210/QĐ-CT ngày 11/01/2010 và Quyết định số 8433/QĐ-CT ngày 14/9/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích 1.489.669 m² trong suốt thời gian thực hiện dự án.

+ Theo Quyết định số 10467/QĐ-CT ngày 16/11/2018 và Quyết định số 8434/QĐ-CT ngày 14/9/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích 1.226.089 m² trong suốt thời gian thực hiện dự án.

(ii) Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5: Theo Quyết định số 10122/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai và Quyết định số 10123/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai, được miễn tiền thuê đất:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2004 đến năm 2010) và được miễn tiền thuê đất 11 năm theo ưu đãi đầu tư kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2011 đến năm 2021).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong năm 2017 theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp (Tiếp theo):****(iii) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2:**

+ Theo Quyết định số 1829/QĐ-CTBRV ngày 04/8/2023 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 20 năm, từ ngày 19/12/2007 đến ngày 31/12/2027 đối với hợp đồng thuê đất số 51/HĐTD ngày 24/9/2009.

+ Theo Quyết định số 1830/QĐ-CTBRV ngày 04/8/2023 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 19,83 năm, từ ngày 26/02/2009 đến ngày 31/12/2028 đối với hợp đồng thuê đất số 52/HĐTD ngày 24/9/2009.

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong năm 2017 (một phần) theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước và nộp phần còn lại (năm 2019) theo Thông báo của Chi cục thuế Thị xã Phú Mỹ.

(iv) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng:

+ Theo Quyết định số 1688/QĐ-CT ngày 09/3/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 18 năm, từ ngày 18/01/2011 đến ngày 17/10/2029 đối với 3.802.170,5 m² đất theo Hợp đồng thuê đất số 45/HĐTD ngày 07/11/2011 và số 51/HĐTD ngày 19/11/2018.

(v) Khu công nghiệp Hựu Thạnh:

+ Miễn tiền thuê đất 50 năm (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 06/8/2069) đối với phần diện tích 1.036.841 m² tại Quyết định số 2431/QĐ-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An.

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2034) đối với phần diện tích 3.360.150 m² tại Quyết định số 2430/QĐ-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An, đồng thời thực hiện nộp tiền đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện theo Thông báo số 513/TBHKDCN-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An: Lần 1 ngày 17/8/2020 (50%) và lần 2 ngày 23/9/2020 (50%).

+ Miễn tiền thuê đất 50 năm (từ ngày 03/4/2023 đến ngày 06/8/2069) đối với phần diện tích 142.440,8 m² tại Quyết định số 2905/QĐ-CTLAN ngày 17/11/2023 của Cục thuế tỉnh Long An.

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm (từ ngày 03/4/2023 đến ngày 02/4/2038) đối với phần diện tích 356.843,4 m² tại Quyết định số 2906/QĐ-CTLAN ngày 17/11/2023 của Cục thuế tỉnh Long An, đồng thời thực hiện nộp tiền đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện theo Thông báo số 7023/TB-CTLAN ngày 17/11/2023 của Cục thuế tỉnh Long An tại Giấy nộp tiền ngày 20/11/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp (Tiếp theo)****(vi) Khu công nghiệp Cầu Nghìn:**

+ Thuê đất Đợt 1: Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ tháng 11/2012 đến hết tháng 05/2014) đối với diện tích 438.850,3 m² theo Quyết định số 1922/QĐ-CT ngày 27/11/2015 của Cục thuế tỉnh Thái Bình. Miễn tiền thuê đất theo Ưu đãi đầu tư đến hết tháng 05/2025 đối với diện tích 327.530 m² đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng riêng theo Quyết định số 563/QĐ-CT ngày 31/3/2021 của Cục thuế tỉnh Thái Bình. Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 111.320,3 m² xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung từ tháng 06/2021 đến hết tháng 05/2062 theo Quyết định số 1536/QĐ-CT ngày 28/5/2021 và Quyết định số 3199/QĐ-CTTBI ngày 02/11/2023 của Cục thuế tỉnh Thái Bình.

+ Thuê đất Đợt 2: Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ tháng 6/2023 đến hết tháng 4/2025) đối với diện tích 799.602,8m² theo Quyết định số 2100/QĐ-CTTBI ngày 05/7/2023. Miễn tiền thuê đất (từ tháng 05/2025 đến hết tháng 05/2062) đối với diện tích đất sử dụng chung là 158.150,1m². Miễn tiền thuê đất (từ tháng 05/2025 đến hết tháng 04/2036) đối với diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng riêng là 641.452,7 m² theo Quyết định số 2873/QĐ-CTTBI ngày 28/9/2023 của Cục thuế tỉnh Thái Bình.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	3.800.872.957	2.639.495.296
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.263.901.180	11.564.804.317
Các khoản tương đương tiền (i)	461.569.821.164	599.532.671.232
TỔNG	520.634.595.301	613.736.9704845

(i) Tại ngày 31/3/2024 các hợp đồng tiền gửi có giá trị 102.384.910.582 VND được thế chấp để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho hợp đồng thi công xây dựng và thế chấp để thực hiện hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoàn trả tiền đặt cọc.

5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	25.300.000.000	211.413.400.000
TỔNG	25.300.000.000	211.413.400.000

(ii) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến 12 tháng của Tổng công ty tại các Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng tại từng thời điểm. Tại ngày 31/3/2024, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị là 9.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được thế chấp để bảo lãnh thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng thi công xây dựng số 69/HĐKT-TCT ngày 05/12/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		Tại ngày 31/3/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Vốn nắm giữ (%)	Vốn biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
I. Đầu tư vào công ty con			2.530.499.339.870		(36.975.437.709)	2.530.499.339.870		(35.840.782.146)
IDICO – MCI(ii)	81,94%	81,94%	18.356.046.908	-	(18.356.046.908)	18.356.046.908	-	(18.356.046.908)
UDICO (i)	66,93%	66,93%	138.177.060.000	216.585.075.500	-	138.177.060.000	174.017.675.000	-
IDICO – LINCO (i)	51,00%	51,00%	55.409.106.453	287.793.000.000	-	55.409.106.453	198.402.750.000	-
IDICO - CONAC (i)	51,00%	51,00%	32.039.472.494	430.725.600.000	-	32.039.472.494	462.978.000.000	-
IDICO - INCO 10 (ii)	97,78%	97,78%	17.648.011.208	-	(7.042.180.801)	17.648.011.208	-	(5.907.525.238)
IDICO - INCON (i)	70,40%	70,40%	7.194.400.000	33.792.000.000	-	7.194.400.000	28.160.000.000	-
IDICO - URBIZ (ii)	100,00%	100,00%	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000	-	-
IDICO - SHP (i)	51,78%	51,78%	275.136.264.631	538.206.900.000	-	275.136.264.631	538.206.900.000	-
IDICO - IDI (i)	57,50%	57,50%	181.437.568.176	249.616.746.000	-	181.437.568.176	235.988.245.500	-
IDICO - ISC (ii)	100,00%	100,00%	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	-	-
IDICO - QUE VO (ii)	54,94%	54,94%	58.589.200.000	-	-	58.589.200.000	-	-
IDICO - TCC (ii)	95,19%	95,19%	11.577.210.000	-	(11.577.210.000)	11.577.210.000	-	(11.577.210.000)
IDICO - ITC (ii)	65,00%	65,00%	585.000.000.000	-	-	585.000.000.000	-	-
IDERGY (ii)	99,99%	99,99%	99.990.000.000	-	-	99.990.000.000	-	-
IDICO-IVC (ii)	99,99%	99,99%	549.945.000.000	-	-			

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		Tại ngày 31/3/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Vốn nắm giữ (%)	Vốn biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
II. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			168.930.017.481		(158.414.552.981)	168.930.017.481		(158.082.485.681)
BVEC (ii)	49.00%	49.00%	150.712.000.000		(150.712.000.000)	150.712.000.000	-	(150.712.000.000)
LAMA IDICO (i)	20,13%	20,13%	18.218.017.481	10.515.464.500	(7.702.552.981)	18.218.017.481	10.847.531.800	(7.370.485.681)
III. Đầu tư vào công ty khác			112.409.084.484		(6.129.450.707)	112.409.084.484		(6.183.450.707)
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO (i)	1.22%	1.22%	8.393.000.000	12.166.000.000	-	8.393.000.000	11.858.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn (i)	8.54%	8.54%	28.256.416.000	93.952.569.900	-	28.256.416.000	61.457.696.100	-
Trường Đại Học Vinh (ii)	7.17%	7.17%	10.217.858.042	-	(3.380.262.707)	10.217.858.042	-	(3.380.262.707)
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (ii)	8.91%	8.91%	3.119.400.000	-	-	3.119.400.000	-	-
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Tổng hợp (i)	4.76%	4.76%	2.951.688.000	202.500.000	(2.749.188.000)	2.951.688.000	148.500.000	(2.803.188.000)
Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận (ii)	4.57%	4.57%	14.470.722.442			14.470.722.442	-	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân (ii)	15.0%	15.0%	45.000.000.000			45.000.000.000	-	-
Tổng			2.811.838.441.835		(201.519.441.397)	2.811.838.441.835	-	(200.106.718.534)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/3/2024 được trình bày:

(i) Tổng công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(ii) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.4.

5.4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Mua bán điện	56.059.432.824	186.515.110.261
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	31.793.934.199	31.793.934.199
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico VN	-	69.139.954.462
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	260.851.906.546	179.349.640.087
TỔNG	348.705.273.569	466.798.639.009
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>52.389.362</i>	<i>334.190.253</i>

5.5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
IDICO- LINCO	8.134.694.548	11.485.947.877
Công ty cổ phần môi trường Soltech Việt Nam	11.328.679.850	11.328.679.850
Các đối tượng còn lại	4.306.653.571	5.206.223.230
TỔNG	23.770.027.969	28.020.850.957
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trước cho người bán các bên liên quan (Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>9.991.307.176</i>	<i>13.342.560.505</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.6 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
a/ Ngắn hạn	385.437.500.000	130.437.500.000
IDICO- LINCO	355.650.000.000	100.650.000.000
IDICO – MCI	29.787.500.000	29.787.500.000
b/ Dài hạn	5.540.000.000	5.540.000.000
IDICO – TCC	5.540.000.000	5.540.000.000
TỔNG	390.977.500.000	135.977.500.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>390.977.500.000</i>	<i>135.977.500.000</i>

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.7 PHẢI THU KHÁC

	31/3/2024 (VND)		01/01/2024(VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	551.029.747.739	(15.099.305.439)	614.187.999.356	(15.099.305.439)
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược (i)	314.204.961.198	-	314.204.961.198	-
Phải thu, dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	32.336.099.879	(4.016.572.705)	36.166.473.731	(4.016.572.705)
Tạm ứng nhân viên	5.349.893.380	-	31.311.218.599	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.284.225.332	-	10.434.225.332	-
Phải thu khác (ii)	188.854.567.950	(11.082.732.734)	222.071.120.496	(11.082.732.734)
b) Dài hạn	300.557.500.000	-	301.724.056.600	-
Phải thu IDICO - LINCO	290.140.000.000	-	290.140.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.417.500.000	-	11.584.056.600	-
	-	-	-	-
TỔNG	851.587.247.739	(15.099.305.439)	915.912.055.956	(15.099.305.439)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>344.089.571.703</i>	<i>(15.099.305.439)</i>	<i>340.291.398.046</i>	<i>(15.099.305.439)</i>

(i) Đây là khoản đặt cọc để Tổng công ty nhận chuyển nhượng dự án theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 09/5/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc thông qua chủ trương đầu tư kinh doanh dự án tại thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.7 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**(ii) Chi tiết số dư phải thu khác theo đối tượng**

	31/3/2024 (VND)		01/01/2024(VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Đức Hòa	46.659.930.208		46.765.522.208	-
IDICO - MCI	512.083.302	(512.083.302)	512.083.302	(512.083.302)
IDICO- INCO 10	5.971.061.313	(5.511.723.979)	5.971.061.313	(5.511.723.979)
IDICO - TCC	7.911.338.708	(5.058.925.453)	7.911.338.708	(5.058.925.453)
Nguyễn Lê Mai Thi (iii)	125.000.000.000		155.000.000.000	-
Đối tượng khác	2.800.154.419		5.911.114.965	-
TỔNG	188.854.567.950	(11.082.732.734)	222.071.120.496	(11.082.732.734)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>14.394.483.323</i>	<i>(11.082.732.734)</i>	<i>14.394.483.323</i>	<i>(11.082.732.734)</i>

(iii) Đây là số tiền ủy thác theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 02/2023/UTĐT ngày 14/6/2023 giữa Tổng công ty IDICO - CTCP (Bên A) và Bà Nguyễn Lê Mai Thi (Bên B) về việc Bên A ủy thác cho Bên B để sử dụng số tiền ủy thác đầu tư vào các Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, bất động sản khu công nghiệp hoặc xây dựng theo hình thức góp vốn hoặc mua cổ phần/phần vốn góp trong các Công ty này.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.8 NỢ XẤU

	31/3/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	31.793.934.199	-	(31.793.934.199)	31.793.934.199	-	(31.793.934.199)
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	3.191.399.755	-	(3.191.399.755)	3.191.399.755	-	(3.191.399.755)
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	5.818.912.411	-	(5.818.912.411)	5.818.912.411	-	(5.818.912.411)
Công ty CP Phát triển hạ tầng Thành Đạt	1.012.686.499		(1.012.686.499)	1.012.686.499		(1.012.686.499)
Công ty Cổ phần Logistics Phú Mỹ 2	2.945.806.838	1.209.073.215	(1.736.733.623)	2.945.806.838	1.209.073.215	(1.736.733.623)
IDICO-INCO 10	5.971.061.313	459.337.334	(5.511.723.979)	5.971.061.313	459.337.334	(5.511.723.979)
IDICO-MCI	8.600.258.363	4.071.602.356	(4.528.656.007)	8.600.258.363	4.071.602.356	(4.528.656.007)
IDICO-TCC	10.009.728.515	4.950.803.062	(5.058.925.453)	10.009.728.515	4.950.803.062	(5.058.925.453)
TỔNG	73.914.539.554	10.714.243.444	(63.200.296.110)	73.914.539.554	10.714.243.444	(63.200.296.110)

5.9 HÀNG TỒN KHO

	31/3/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa bất động sản	9.658.377.960	-	9.658.377.960	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.760.000	-	36.760.000	-
Hàng hoá khác	181.250.000	-	117.000.000	-
TỔNG	9.876.387.960	-	9.812.137.960	-

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	1.247.645.200.993	444.316.863.822	28.067.092.531	2.096.913.307	106.200.000	1.722.232.270.653
Mua trong kỳ	-	-	-	-	349.165.792	349.165.792
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/3/2024	1.247.645.200.993	444.316.863.822	28.067.092.531	2.096.913.307	455.365.792	1.722.581.436.445
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	253.278.272.793	247.003.683.364	20.477.597.006	1.589.586.194	106.200.000	522.455.339.357
Khấu hao trong kỳ	10.410.036.546	8.567.901.194	400.761.306	47.800.304	10.635.512	19.437.134.862
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối tại ngày 31/3/2024	263.688.309.339	255.571.584.558	20.878.358.312	1.637.386.498	116.835.512	541.892.474.219
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày 01/01/2024	994.366.928.200	197.313.180.458	7.589.495.525	507.327.113	-	1.199.776.931.296
Số dư tại ngày 31/3/2024	983.956.891.654	188.745.279.264	7.188.734.219	459.526.809	338.530.280	1.180.688.962.226

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/3/2024 là 1.155.665.811.924 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.173.991.548.437 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/3/2024 là 17.743.623.259 VND (tại ngày 01/01/2024 là 17.646.462.259 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.11 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	61.542.914.880	61.542.914.880
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 31/3/2024	61.542.914.880	61.542.914.880
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	8.928.359.762	8.928.359.762
Khấu hao trong kỳ	339.041.643	339.041.643
Số dư tại ngày 31/3/2024	9.267.401.405	9.267.401.405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2024	52.614.555.118	52.614.555.118
Số dư tại ngày 31/3/2024	52.275.513.475	52.275.513.475

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/3/2024 là 51.760.094.275 VND (tại ngày 01/01/2024 là 52.099.135.918 VND).

5.12 TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số dư tại ngày 01/01/2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số dư tại ngày 31/03/2024 VND
Nguyên giá	7.189.937.591.551	-	-	7.189.937.591.551
Quyền sử dụng đất (đền bù, san lấp)	5.478.012.825.082	-	-	5.478.012.825.082
Cơ sở hạ tầng	1.711.924.766.469	-	-	1.711.924.766.469
Giá trị hao mòn lũy kế	1.734.583.443.814	212.745.822.288		1.947.329.266.102
Quyền sử dụng đất (đền bù, san lấp)	1.059.624.714.272	168.478.142.589	-	1.228.102.856.861
Cơ sở hạ tầng	674.958.729.542	44.267.679.699	-	719.226.409.241
Giá trị còn lại	5.455.354.147.737	-	212.745.822.288	5.242.608.325.449
Quyền sử dụng đất (đền bù, san lấp)	4.418.388.110.810	-	168.478.142.589	4.249.909.968.221
Cơ sở hạ tầng	1.036.966.036.927	-	44.267.679.699	992.698.357.228

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/3/2024 là 3.048.627.550.889 VND (tại ngày 01/01/2024 là 3.188.750.000.500 VND).

Nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/3/2024 là 121.631.618.034 VND (tại ngày 01/01/2024 là 121.631.618.034 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/3/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024**5.13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	373.793.455.550	271.288.739.817
Nhà xưởng- KCN Hựu Thạnh	78.507.090.899	77.739.648.481
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	94.526.215.928	66.240.970.435
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	68.596.547.124	62.773.698.425
Nhà máy xử lý nước thải KCN Nhơn Trạch 5	49.182.097.202	49.182.097.202
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	33.048.841.411	32.668.241.312
Nhà máy xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A	21.744.586.565	21.744.586.565
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	316.190.534	316.190.534
Các công trình khác	9.776.614.375	6.656.204.031
TỔNG	729.497.364.083	588.610.376.802

5.14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	16.623.933.160	25.035.081.540
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.135.772.738	2.595.175.742
Chi phí trả trước tiền thuê đất	4.764.884.563	4.894.274.593
Chi phí hoa hồng tiếp thị tại các khu công nghiệp	7.846.080.885	16.212.319.711
Chi phí duy tu, sửa chữa chờ phân bổ	877.194.974	1.333.166.494
b) Dài hạn	222.890.762.889	232.355.977.283
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	3.276.343.481	1.789.493.964
Chi phí trả trước tiền thuê đất	172.607.512.117	182.222.498.651
<i>Tiền thuê đất Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (i)</i>	<i>75.016.757.934</i>	<i>75.627.173.998</i>
<i>Tiền thuê đất Khu công nghiệp Hựu Thạnh (ii)</i>	<i>97.590.754.183</i>	<i>106.595.324.653</i>
Chi phí khắc phục sự cố Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	42.226.248.228	48.343984.668
Chi phí hoa hồng tiếp thị tại các khu công nghiệp	4.780.659.063	-
TỔNG	239.514.696.049	257.391.058.823

(i) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 31/3/2024, Tổng công ty đã phân bổ vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong kỳ.

(ii) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 31/3/2024, Tổng công ty đã phân bổ vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phát sinh	Số đã nộp	<i>Đơn vị tính : VND</i> 31/3/2024
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	309.967.733.508	147.050.654.242	281.289.515.671	175.728.872.079
Thuế giá trị gia tăng	22.596.719.017	71.701.068.119	81.565.968.244	12.731.818.892
Thuế tài nguyên	3.854.510.888	4.041.675.963	6.975.430.259	920.756.592
Thuế thu nhập cá nhân	1.813.386.113	10.975.515.631	12.353.120.859	435.780.885
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	159.516.181	67.635.435	67.635.435	159.516.181
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế khác	4.190.644.835	1.485.303.124	4.046.603.368	1.629.344.591
TỔNG	342.582.510.542	235.326.852.514	386.303.273.836	191.606.089.220

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/3/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ môi trường Dương Nhật	-	-	12.858.462.026	12.858.462.026
Công ty TNHH XD TM DV Nghĩa Bình	12.723.400.412	12.723.400.412	9.588.160.514	9.588.160.514
IDICO - LINCO	25.089.570.921	25.089.570.921	24.341.595.140	24.341.595.140
IDICO - ISC	14.657.183.440	14.657.183.440	12.234.676.600	12.234.676.600
IDICO - URBIZ	6.100.251.085	6.100.251.085	6.100.251.085	6.100.251.085
IDICO – INCO 10	6.302.140.342	6.302.140.342	7.691.937.605	7.691.937.605
IDICO - INCON	1.323.122.213	1.323.122.213	2.423.800.603	2.423.800.603
UDICO	289.632.939	289.632.939	262.218.249	262.218.249
Phải trả người bán ngắn hạn khác	40.300.645.704	40.300.645.704	35.861.582.619	35.861.582.619
TỔNG	106.785.947.056	106.785.947.056	111.362.684.441	111.362.684.441
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>53.761.900.940</i>	<i>53.761.900.940</i>	<i>53.086.705.794</i>	<i>53.086.705.794</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Trích trước chi phí lãi vay và lãi trái phiếu dự trả:	39.305.307.258	28.542.168.355
<i>Khu công nghiệp Hựu Thạnh</i>	<i>12.886.929.573</i>	<i>15.780.288.354</i>
<i>Nhà máy thủy điện Đak Mi 3</i>	<i>19.119.274.474</i>	<i>11.768.947.743</i>
<i>Các Hợp đồng vay ngắn hạn</i>	<i>791.979.923</i>	<i>992.932.258</i>
<i>IDICO - ITC</i>	<i>6.507.123.288</i>	-
2. Trích trước chi phí các dự án	13.552.914.337	13.552.914.337
<i>Chi phí Dự án KCN Nhơn Trạch 5</i>	<i>6.788.458.783</i>	<i>6.788.458.783</i>
<i>Chi phí Dự án KCN Mỹ Xuân A</i>	<i>5.997.255.554</i>	<i>5.997.255.554</i>
<i>Chi phí Nhà máy xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A</i>	<i>767.200.000</i>	<i>767.200.000</i>
3. Trích trước chi phí xác định giá vốn các dự án	702.589.615.402	612.989.391.634
<i>Khu công nghiệp Hựu Thạnh</i>	<i>513.520.749.596</i>	<i>438.412.672.763</i>
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng</i>	<i>60.577.046.850</i>	<i>68.779.853.333</i>
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2</i>	<i>93.926.617.648</i>	<i>71.160.367.934</i>
<i>Khu công nghiệp Cầu Nghìn</i>	<i>34.636.497.604</i>	<i>34.636.497.604</i>
4. Chi phí khác	1.144.039.309	1.677.461.464
TỔNG	756.591.876.306	656.761.935.790

Trong đó:

Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 7.4)

6.507.123.288

-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	436.609.437.758	215.908.005.274
Lãi vay phải trả	-	3.932.876.712
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	484.006.500	492.889.000
Kinh phí công đoàn	241.885.000	113.401.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	54.558.706.955	46.698.280.837
TỔNG	491.894.036.213	267.145.452.823

(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/3/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (ii)	45.103.258.837	45.103.258.837
Phải trả ngắn hạn khác	9.455.448.118	1.595.022.000
TỔNG	54.558.706.955	46.698.280.837

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 7.4) - 3.932.876.712

(ii) Theo Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/3/2024 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	850.000.000.000	850.000.000.000	75.000.000.000	359.377.968.288	1.134.377.968.288	1.134.377.968.288
a/ Vay ngắn hạn	580.000.000.000	580.000.000.000	-	299.377.968.288	879.377.968.288	879.377.968.288
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành (ii)	-	-	-	299.377.968.288	299.377.968.288	299.377.968.288
IDICO – ITC (i)	580.000.000.000	580.000.000.000	-	-	580.000.000.000	580.000.000.000
b/ Nợ dài hạn đến hạn trả	270.000.000.000	270.000.000.000	75.000.000.000	60.000.000.000	255.000.000.000	255.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Nam (iii)	80.000.000.000	80.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành (iv)	190.000.000.000	190.000.000.000	55.000.000.000	40.000.000.000	175.000.000.000	175.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.804.475.595.825	1.804.475.595.825	-	75.000.000.000	1.879.475.595.825	1.879.475.595.825
a/ Vay dài hạn	1.404.475.595.825	1.404.475.595.825	-	75.000.000.000	1.479.475.595.825	1.479.475.595.825
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành (iv)	1.044.229.344.710	1.044.229.344.710	-	55.000.000.000	1.099.229.344.710	1.099.229.344.710
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-CN Quảng Nam (iii)	360.246.251.115	360.246.251.115	-	20.000.000.000	380.246.251.115	380.246.251.115
b/ Phát hành trái phiếu doanh nghiệp	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Trái phiếu phát hành: Mã trái phiếu giao dịch IDC12201 (v)	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Tổng	2.654.475.595.825	2.654.475.595.825	75.000.000.000	434.377.968.288	3.013.853.564.113	3.013.853.564.113
<i>Trong đó: Vay ngắn hạn là bên liên quan (Thuyết minh số 7.4)</i>	580.000.000.000	580.000.000.000	-	-	580.000.000.000	580.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024**5.20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)****(i) Vay ngắn hạn của Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang**

Số hợp đồng .	: Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV/ITC-IDC ngày 07/11/2023. Tổng giá trị Hợp đồng vay là 580.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay	: Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày ký hoặc một thời hạn khác dài hơn theo thỏa thuận của các bên vào một thời điểm.
Lãi suất	: Lãi suất cho vay: 4,5%
Số dư nợ gốc tại ngày 31/3/2024:	: 580.000.000.000 VND.

(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Đô Thành

Số hợp đồng	: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT322-IDICO ngày 16/11/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCV-SĐBS1/NHCT322-IDICO ngày 29/11/2023. Tổng hạn mức cho vay là 500.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Vay thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Thời hạn vay	: Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay.
Lãi suất	: Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ.
Tài sản đảm bảo	: Hợp đồng tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng
Số dư nợ gốc tại ngày 31/3/2024:	: 0 VND

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - các Chi nhánh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị và Thành phố Đà Nẵng

Số hợp đồng	: Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD-ĐM3 ngày 09/3/2015 có hạn mức tín dụng 1.047.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Để thực hiện Dự án Thủy điện Đak Mi 3 .
Thời hạn vay	: Thời hạn vay 15 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.
Lãi suất	: Lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm bình quân có kỳ hạn 12 tháng và lãi suất biên là 2,5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.
Tài sản đảm bảo	: Khoản vay được bảo đảm bằng Tài sản dự án
Số dư nợ gốc tại 31/3/2024	: 440.246.251.115 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)**(iv) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành gồm ba hợp đồng như sau:****(a) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022**

Số hợp đồng	: Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 700.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018 đã giải ngân để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh.
Thời hạn vay	: Thời hạn cho vay đến ngày 24/4/2028 và không vượt quá thời cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018.
Lãi suất	: Lãi suất vay tại ngày 31/03/2024 là 6%. Lãi suất vay từ ngày 25/11/2023 cố định là 6%; từ ngày 25/11/2024 lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên độ 2,0%; từ ngày 25/11/2025 lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên độ 2,5%.
Tài sản đảm bảo	: Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất thế chấp tối thiểu tại ngày 31/3/2024 là 4.412.734,8 m ² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam.
Số dư nợ gốc tại 31/3/2024	448.500.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)**(iv) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành gồm ba hợp đồng như sau (Tiếp theo):****(b) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022**

Số hợp đồng	: Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 800.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Tài trợ tương ứng phần doanh số cho vay chưa được giải ngân theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh.
Thời hạn vay	: Thời hạn cho vay đến ngày 24/4/2028 và không vượt quá thời hạn cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018.
Lãi suất	: Lãi suất vay tại ngày 31/3/2024 là 6%. Lãi suất vay từ ngày 25/11/2023 cố định là 6%; từ ngày 25/11/2024 lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên độ 2,0%; từ ngày 25/11/2025 lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên độ 2,5%.
Tài sản đảm bảo	: Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất thế chấp tối thiểu tại ngày 31/3/2024 là 4.412.734,8 m ² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam
Số dư nợ gốc tại 31/3/2024	670.338.541.584 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)**(iv) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành gồm ba hợp đồng như sau (Tiếp theo):****(c) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2021-HDDCVDADDT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022**

Số hợp đồng	: Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 2.000.000.000.000 VND.
Mục đích vay	: Để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Hựu Thạnh (không bao gồm các chi phí đã được ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh giải ngân cho vay Dự án).
Thời hạn vay	: Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên. Bên vay không phải thực hiện trả nợ gốc trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Giải ngân đầu tiên.
Lãi suất	: Lãi suất vay tại ngày 31/3/2024 là 6%. Lãi suất vay từ ngày 25/11/2023 cố định là 6%; từ ngày 25/11/2024 lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên độ 2,0%; từ ngày 25/11/2025 lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên độ 2,5%.
Tài sản đảm bảo	: Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất thế chấp tối thiểu tại ngày 31/3/2024 là 4.412.734,8 m ² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam.
Số dư nợ gốc tại 31/3/2024	115.390.803.126 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024**5.20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP THEO)****(v) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp: Mã trái phiếu giao dịch IDC12201**

Tổ chức phát hành	:	Tổng công ty IDICO - CTCP
Mã trái phiếu công bố thông tin	:	IDCH2225002
Mục đích phát hành	:	Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
Hình thức trái phiếu	:	Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
Mệnh giá trái phiếu	:	1.000.000.000 VND
Số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch	:	400 trái phiếu
Lãi suất trái phiếu	:	Cố định 8%/năm
Kỳ thanh toán lãi	:	Trả cuối kỳ, định kỳ 6 tháng một lần
Ngày phát hành	:	Ngày 07/4/2022
Ngày đáo hạn	:	Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
Tài sản đảm bảo	:	Mã cổ phiếu HTI: 14.345.790 cổ phiếu - Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu Mã cổ phiếu ICN: 10.404.000 cổ phiếu - Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu Mã cổ phiếu LAI: 4.360.500 cổ phiếu - Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá trị trái phiếu đăng ký giao dịch (Theo mệnh giá)	:	400.000.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	416.251.707.437	609.924.174.192
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất, phí quản lý và sử dụng hạ tầng tại các khu công nghiệp:		
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2</i>	<i>74.619.420.859</i>	<i>336.873.549.422</i>
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng</i>	<i>78.981.762.067</i>	<i>4.4072.708.334</i>
<i>Khu công nghiệp Hựu Thạnh</i>	<i>94.688.571.963</i>	<i>228.710.671.100</i>
<i>Khu công nghiệp Mỹ Xuân A</i>	<i>39.515.977.857</i>	<i>267.245.336</i>
<i>Khu công nghiệp Cầu Nghìn</i>	<i>112.418.923.339</i>	<i>-</i>
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5</i>	<i>16.027.051.352</i>	
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	3.032.463.814.959	3.032.463.814.959
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất tại các khu công nghiệp:		
- <i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2</i>	<i>1.445.624.559.476</i>	<i>1.445.624.559.476</i>
- <i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng</i>	<i>1.381.559.119.365</i>	<i>1.381.559.119.365</i>
- <i>Khu công nghiệp Hựu Thạnh</i>	<i>204.877.438.530</i>	<i>204.877.438.530</i>
- <i>Khu công nghiệp Mỹ Xuân A</i>	<i>402.697.588</i>	<i>402.697.588</i>
TỔNG	3.448.715.522.396	3.642.387.989.151

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.22 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	3.299.999.290.000	41.722.046.647			4.532.564.575.655
Tăng trong năm	-	-	511.865.381.008	1.330.077.362.864	1.841.942.743.872
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.330.077.362.864	1.330.077.362.864
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	511.865.381.008	-	511.865.381.008
Giảm trong năm	-	-	-	(1.850.843.097.008)	(1.850.843.097.008)
Trích quỹ khen thưởng cho người quản lý doanh nghiệp	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.978.000.000)	(16.978.000.000)
Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền	-	-	-	(659.999.858.000)	(659.999.858.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(511.865.381.008)	(511.865.381.008)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền	-	-	-	(659.999.858.000)	(659.999.858.000)
Số dư tại 31/12/2023	3.299.999.290.000	41.722.046.647	511.865.381.008	670.077.504.864	6.127.923.195.138
Số dư tại 01/01/2024	3.299.999.290.000	41.722.046.647	511.865.381.008	670.077.504.864	6.127.923.195.138
Tăng trong năm	-	-	-	571.231.436.186	571.231.436.186
Lãi trong năm trước	-	-	-	571.231.436.186	571.231.436.186
Giảm trong năm	-	-	-	(494.999.893.500)	(494.999.893.500)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền (i)	-	-	-	(494.999.893.500)	(494.999.893.500)
Số dư tại 31/3/2024	3.299.999.290.000	41.722.046.647	511.865.381.008	746.309.047.550	4.599.895.765.205

(i) Ngày 02/01/2024, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 cho cổ đông với tỷ lệ 15%/cổ phiếu. Ngày chốt danh sách cổ đông: 16/01/2024. Ngày thanh toán cổ tức: 31/01/2024.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.22 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/3/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,50%	74.250.000	742.500.000.000	22,50%	74.250.000	742.500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt	11,93%	39.361.300	393.613.000.000	11,93%	39.361.300	393.613.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	65,57%	216.388.629	2.163.886.290.000	65,57%	216.388.629	2.163.886.290.000
Tổng	100%	329.999.929	3.299.999.290.000	100%	329.999.929	3.299.999.290.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

5.22 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/03/2023
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 3	3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức	494.999.893.500	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền	494.999.893.500	-

d. Cổ phiếu

	31/3/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	329.999.929	329.999.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	329.999.929
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	329.999.929
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
Doanh thu hạ tầng khu công nghiệp	1.039.006.291.985	145.714.991.742
Doanh thu dịch vụ khu công nghiệp	21.727.292.520	15.117.234.499
Doanh thu kinh doanh điện	46.270.073.281	85.760.300.151
Doanh thu sản phẩm, dịch vụ khác	-	155.298.089
TỔNG	1.107.003.657.786	246.747.824.481

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
Giá vốn hạ tầng khu công nghiệp	327.164.361.576	52.134.874.369
Giá vốn dịch vụ khu công nghiệp	10.967.106.157	10.180.190.605
Giá vốn kinh doanh điện	34.258.203.664	38.451.686.398
TỔNG	372.389.671.397	100.766.751.372

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.645.626.209	8.333.529.615
Lãi cho vay	3.948.173.657	1.763.481.096
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.606.000.000	27.540.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	58.536	-
TỔNG	27.199.858.402	37.637.010.711

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.771.059.536	30.665.362.139
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	50.422.284
Chi phí tài chính khác	159.112.110	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.412.722.863	-
TỔNG	25.342.894.509	30.715.784.423

6.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.286.094.891	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	16.140.160	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.372.074	-
Chi phí bằng tiền khác	186.799.020	-
Chi phí hoa hồng môi giới	9.711.966.553	1.150.704.791
TỔNG	11.325.372.698	1.150.704.791

6.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.286.902.486	3.275.672.680
Chi phí vật liệu	195.405.019	200.056.782
Chi phí đồ dùng văn phòng	179.107.807	279.172.160
Chi phí khấu hao TSCĐ	791.828.239	656.069.053
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	22.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.225.058.152	334.721.791
Chi phí bằng tiền khác	1.166.133.363	670.484.737
TỔNG	13.848.435.066	5.438.177.203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

6.7 THU NHẬP KHÁC

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán	-	41.302.220
Thu nhập khác	30.000.002	118.181.818
TỔNG	30.000.002	159.484.038

6.8 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	195.405.019	525.281.921
Chi phí nhân công	9.572.997.377	10.854.025.290
Chi phí khấu hao TSCĐ	232.443.855.414	68.771.902.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.480.857.970	525.281.921
Chi phí bằng tiền khác	2.099.825.316	10.854.025.290
TỔNG	267.792.941.096	91.530.516.569

6.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
	31/3/2024	31/3/2023
	VND	VND
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	711.327.142.520	146.472.901.441
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm		
Chi phí không được trừ	120.035.625	237.468.203
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.606.000.000	27.540.000.000
Các khoản trích trước	34.774.739.540	-
Thu nhập chịu thuế	730.615.917.685	119.170.369.644
Thu nhập chịu thuế hoạt động BDS	732.923.069.670	92.547.283.355
Thu nhập chịu thuế hoạt động ngoài BDS	(2.307.151.985)	26.623.086.289
Thu nhập chịu thuế suất hiện hành 20%	2.330.201.545	3.362.719.417
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%	(4.637.353.530)	23.260.366.872
Bù lỗ năm 2022	-	(26.623.086.289)
Thuế suất	20%	20%
CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	147.050.654.242	18.509.456.671

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

6.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo KQHĐKD	
	31/3/2024	01/01/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2023
	VND	VND	VND	VND
<i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>				
Chênh lệch tạm thời chi phí phát triển cơ sở hạ tầng trích trước đối với doanh thu cho thuê Khu công nghiệp đã ghi nhận Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	476.593.345.530	441.818.605.990	34.774.739.540	-
	20%	20%	20%	20%
Thuế hoãn lại cuối kỳ	95.318.669.106	88.363.721.198	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			6.954.947.908	-

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tổng công ty có ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Tổng công ty có cơ sở sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Tổng công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

7.2 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Tổng công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26/4/2024 thông qua việc chia cổ tức bằng tiền mặt : 1.319.999.716.000 VND (tương ứng 40%/ cổ phiếu). Cổ tức còn lại phải trả (đợt 3) sẽ thực hiện chi trả bằng tiền với tỷ lệ 5%/ cổ phiếu, tương ứng số tiền là : 164.999.964.500 VND

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/3/2024.

7.3 THÔNG TIN CÁC HỢP ĐỒNG GHI NHẬN DOANH THU TRÊN TỔNG SỐ TIỀN NHẬN TRƯỚC

Trong kỳ, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu từ hoạt động cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng tại các Khu công nghiệp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi bàn giao đất cho khách hàng dựa trên đánh giá rằng phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của lô đất đã được chuyển giao cho khách thuê. Nếu doanh thu từ việc cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng này được phân bổ trong thời gian thuê đất, ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty là như sau:

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

Stt	Nội dung	Khu công nghiệp Nhơn Trạch V	Khu công nghiệp Phú Mỹ II	Khu công nghiệp Phú Mỹ II Mở rộng	Khu công nghiệp Hựu Thạnh	Khu công nghiệp cầu Ngàn	Tổng cộng (VND)
A	Lũy kế đến 31/12/2023						
A1	Doanh thu hạch toán một lần						
	Doanh thu	1.441.876.871.432	249.089.451.809	817.171.634.438	1.832.863.769.041	50.577.922.468	4.391.579.649.188
	Giá vốn	212.842.972.963	41.845.018.212	193.178.741.348	1.102.318.906.262	22.250.299.403	1.572.435.938.187
	Lợi nhuận gộp	1.229.033.898.469	207.244.433.597	623.992.893.090	730.544.862.779	28.327.623.065	2.819.143.711.001
A2	Phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng						
	Doanh thu	95.525.594.550	13.573.090.105	32.850.659.642	49.468.608.849	1.288.806.440	192.706.759.587
	Giá vốn	14.107.963.917	3.118.615.371	8.257.618.408	29.257.670.475	567.727.229	55.309.595.401
	Lợi nhuận gộp	81.417.630.633	10.454.474.734	24.593.041.234	20.210.938.374	721.079.211	137.397.164.186
B	Kỳ này						
B1	Doanh thu hạch toán một lần						
	Doanh thu	-	583.944.689.880	-	413.987.506.197	-	997.932.196.077
	Giá vốn	-	85.742.532.348	-	229.189.122.226	-	314.931.654.574
	Lợi nhuận gộp	-	498.202.157.532	-	184.798.383.971	-	683.000.541.503
B2	Phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng						
	Doanh thu	11.940.699.319	6.516.921.567	5.747.443.693	12.118.083.050	322.201.610	36.645.349.239
	Giá vốn	1.763.495.490	997.403.541	1.358.954.739	7.179.312.201	141.931.807	11.441.097.777
	Lợi nhuận gộp	10.177.203.829	5.519.518.026	4.388.488.955	4.938.770.849	180.269.803	25.204.251.462
C	Lũy kế đến 31/3/2024						
C1	Doanh thu hạch toán một lần						
	Doanh thu	1.441.876.871.432	833.034.141.689	817.171.634.438	2.246.851.275.238	50.577.922.468	5.389.511.845.265
	Giá vốn	212.842.972.963	127.587.550.560	193.178.741.348	1.331.508.028.488	22.250.299.403	1.887.367.592.762
	Lợi nhuận gộp	1.229.033.898.469	705.446.591.129	623.992.893.090	915.343.246.750	28.327.623.065	3.502.144.252.503
C2	Phân bổ dần theo thời gian cho thuê của hợp đồng						
	Doanh thu	107.466.293.868	20.090.011.672	38.598.103.336	61.586.691.899	1.611.008.050	229.352.108.825
	Giá vốn	15.871.459.406	4.116.018.912	9.616.573.147	36.436.982.676	709.659.036	66.750.693.178
	Lợi nhuận gộp	91.594.834.462	15.973.992.760	28.981.530.189	25.149.709.223	901.349.014	162.601.415.648

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

7.4 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**1) Danh sách các bên liên quan:**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Công ty con	IDICO - MCI
2	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Công ty con	UDICO
3	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Công ty con	IDICO - LINCO
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Công ty con	IDICO - CONAC
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Công ty con	IDICO - INCO 10
6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Công ty con	IDICO - INCON
7	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Công ty con	IDICO - URBIZ
8	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Công ty con	IDICO - SHP
9	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Công ty con	IDICO - IDI
10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO	Công ty con	IDICO - ISC
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Công ty con	IDICO - QUE VO
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Công ty con	IDICO - TCC
13	Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang	Công ty con	IDICO - ITC
14	Công ty cổ phần IDERGY	Công ty con	IDERGY
15	Công ty cổ phần IDICO Vinh Quang	Công ty con	IDICO - IVC
16	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	BVEC
17	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết	LAMA IDICO
18	Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt	Cổ đông lớn	
19	Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	Cổ đông lớn	
20	Các cá nhân quản lý (Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, và Ban Tổng giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này.	Ảnh hưởng đáng kể	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

7.4 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác:

a. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
		31/3/2024	31/3/2023
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch HĐQT	605.000.000	404.219.850
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	75.000.000	57.777.777
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT	66.250.000	-
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên HĐQT	485.833.333	-
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	150.000.000	33.333.333
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên thành viên HĐQT	-	305.068.400
Ông Nguyễn Duy	Nguyên thành viên HĐQT	-	57.777.777
TỔNG		1.382.083.333	858.177.137

b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
		31/3/2024	31/3/2023
		VND	VND
Ông Hoàng Văn Hiến	Nguyên trưởng BKS	-	286.000.000
Ông Đào Hữu Thắng	Nguyên thành viên BKS	-	52.000.000
Ông Võ Tấn Dũng	Nguyên thành viên BKS	-	46.500.000
TỔNG		-	384.500.000

c. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
		31/3/2024	31/3/2023
		VND	VND
Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	1.000.000.000	832.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	550.000.000	550.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	715.000.000	572.000.000
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	550.000.000	550.000.000
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Phó Tổng giám đốc	509.208.333	-
Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	500.000.000	520.000.000
TỔNG		3.824.208.333	3.024.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

7.4 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**3) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/3/2024 VND	31/3/2023 VND
Bán hàng		-	9.301.677.671
IDICO-ISC	Dịch vụ	-	9.190.734.847
IDICO-INCO 10	Dịch vụ	-	27.584.824
IDICO - QUE VO	Dịch vụ	-	83.358.000
Mua hàng		18.057.548.113	44.511.724.535
IDICO-INCO 10	Khối lượng xây lắp	1.469.175	-
IDICO - URBIZ	Khối lượng xây lắp, dịch vụ	-	15.886.023.120
IDICO - INCON	Dịch vụ tư vấn	213.082.840	247.927.678
IDICO - LINCO	Khối lượng xây lắp	3.795.582.509	27.147.773.737
IDICO - TCC	Khối lượng xây lắp	960.000.000	960.000.000
IDICO - ISC	Dịch vụ	10.220.213.224	-
UDICO	Xây lắp	37.082.865	-
Công ty CP tập đoàn SSG	Thuê văn phòng	2.830.117.500	-
Cổ tức		15.756.000.000	27.540.000.000
IDICO - CONAC	Cổ tức được chia	15.606.000.000	27.540.000.000
IDICO - INCON	Thu tiền cổ tức	150.000.000	
Lãi cho vay		3.948.173.657	1.439.097.534
IDICO - MCI	Lãi cho vay	608.970.753	754.569.863
IDICO - LINCO	Lãi cho vay	3.230.087.671	539.728.767
IDICO - TCC	Lãi cho vay	109.115.233	144.798.904
Lãi vay		6.507.123.288	3.082.191.781
IDICO - URBIZ	Lãi vay	-	3.082.191.781
IDICO - ITC	Lãi vay	6.507.123.288	-
Chi cho vay		255.000.000.000	
IDICO - LINCO	Lãi cho vay	255.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

7.4 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**4) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

Bên liên quan	31/3/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng	52.389.362	334.190.253
IDICO - INCO 10	52.389.362	150.802.653
IDICO - QUE VO	-	183.387.600
Trả trước cho người bán	9.991.307.176	13.342.560.505
IDICO - LINCO	8.134.694.548	11.485.947.877
IDICO - INCON	466.905.773	466.905.773
IDICO - MCI	138.089.282	138.089.282
IDICO - TCC	308.245.073	308.245.073
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	943.372.500	943.372.500
Phải thu cho vay	390.977.500.000	135.977.500.000
IDICO - MCI	29.787.500.000	29.787.500.000
IDICO - LINCO	355.650.000.000	100.650.000.000
IDICO - TCC	5.540.000.000	5.540.000.000
Phải thu khác	344.089.571.703	340.291.398.046
IDICO - LINCO	297.070.225.332	312.206.349.855
IDICO - INCO 10	5.971.061.313	5.971.061.313
IDICO - MCI	9.209.229.116	8.600.258.363
IDICO - INCON	3.354.000.000	3.504.000.000
IDICO - TCC	10.118.843.748	10.009.728.515
Phải trả người bán	53.761.900.940	53.086.705.794
IDICO - LINCO	25.089.570.921	24.341.595.140
IDICO - URBIZ	6.100.251.085	6.100.251.085
IDICO - INCON	1.323.122.213	2.423.800.603
IDICO - ISC	14.657.183.440	12.234.676.600
IDICO - INCO 10	6.302.140.342	7.691.937.605
UDICO	289.632.939	294.444.761
Phải trả đi vay	580.000.000.000	580.000.000.000
IDICO-ITC	580.000.000.000	580.000.000.000
Phải trả khác	-	3.932.876.712
IDICO - ITC	-	3.932.876.712
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.507.123.288	-
IDICO - ITC	6.507.123.288	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2024

7.5 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tự lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/3/2023.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu



Trần Huỳnh Thanh Trúc

Kê toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Tuấn

TỔNG CÔNG TY IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /UQ - TCT

Tp. HCM, ngày 27 tháng 7 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Người ủy quyền:

Họ và tên: Đặng Chính Trung Sinh ngày: 10/11/1959

Số CCCD: 040059007082 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

Chức vụ: Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP, người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0302177966

Người được ủy quyền:

Họ và tên: Nguyễn Việt Tuấn Sinh ngày: 3/8/1975

Số CCCD: 075075001705 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 1/5/2021.

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP.

Địa chỉ: 151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0302177966

Phạm vi ủy quyền:

Ký Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất và Văn bản giải trình có liên quan đến Báo cáo tài chính của Tổng công ty IDICO - CTCP.

Thời gian được ủy quyền:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

CHỮ KÝ

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Tuấn

CHỮ KÝ

NGƯỜI ỦY QUYỀN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Chính Trung